

# MÃY SUY NGHĨ VỀ ĐỀ THẨM QUA VAI TRÒ CỦA ÔNG TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA 27-6-1908 (\*)

NGÔ VĂN HÒA

**T**ừ khi thực dân Pháp xâm lược cho đến ngày chúng buộc phải rút khỏi đất nước ta, hàng loạt những cuộc khởi nghĩa chống Pháp của nhân dân ta đã nổ ra. Không kể những cuộc khởi nghĩa do Đảng ta lãnh đạo, phần lớn những cuộc khởi nghĩa mà chúng ta đã biết đều được gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp của những người anh hùng dân tộc như khởi nghĩa Gò Công - Gia Định của Trương Định, khởi nghĩa Tân An - Rạch Giá của Nguyễn Trung Trực, khởi nghĩa Ba Đình của Phạm Bành - Đinh Công Tráng, khởi nghĩa Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật, khởi nghĩa Thái Nguyên của Trịnh Văn Cấn - Lương Ngọc Quyến, khởi nghĩa Yên Bái của Nguyễn Thái Học - Nguyễn Khắc Nhu (1930), khởi nghĩa Đô Lương của Nguyễn Văn Cung (1941), v.v... Nhưng còn có một cuộc khởi nghĩa mà chúng ta vẫn quen gọi là vụ Hà Thành đầu độc là chưa gắn liền

với tên tuổi của một nhân vật lịch sử nào. Phải chăng đây là một cuộc khởi nghĩa riêng lẻ, tách biệt với khởi nghĩa Yên Thế? Một kế hoạch hành động tự phát do một số binh sĩ yêu nước trong quân đội Pháp định tiến hành? Vai trò của Đề Thám trong cuộc khởi nghĩa này như thế nào: có tham gia hoặc tham gia tích cực? Đó là những vấn đề cần được giải đáp một cách khoa học.

Trước đây chúng tôi đã đề cập đến và bước đầu giải quyết những vấn đề này trong một bài viết công bố trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử năm 1978. Gần đây nhờ sưu tầm được một số tư liệu mới nên trong bài viết này, chúng tôi xin mạnh dạn trở lại chuyện đề này nhằm làm sáng tỏ và giải đáp thêm một số vấn đề đã nêu trên; đồng thời trình bày một số suy nghĩ của chúng tôi về Đề Thám qua vai trò của ông trong cuộc khởi nghĩa ngày 27-6-1908 ở Hà Nội.

## I - Đề Thám, người tổ chức và chỉ đạo cuộc khởi nghĩa

Sau lần đình chiến thứ hai (12-1897), tuy bề ngoài giảng hòa với Pháp, nhưng bên trong Đề Thám đã tranh thủ thời gian mang hết tâm lực ra tổ chức lại lực lượng nghĩa quân, xây dựng căn cứ địa, mở rộng thế lực ra các nơi. Đề Thám nhận thức rằng nghĩa quân không thể thủ hiểm trong một vùng rừng núi mà có thể dương đầu hữu hiệu với kẻ thù được. Do đó Đề Thám bí mật sai nhiều người thân tin đi gây cơ sở mới ở những tỉnh xung quanh như: Tuyên Quang, Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Phúc Yên, v.v... Mặt khác từ sau khi những cuộc khởi nghĩa chống Pháp lần lượt bị tiêu diệt thì vị trí của cuộc khởi nghĩa Yên Thế lại càng được nổi bật lên. Các nghĩa sĩ trong nước coi Yên Thế như là một pháo đài vững chắc nhất, một vị trí tiên tiêu chống Pháp. Nhiều sĩ phu yêu nước đã tới Yên Thế để gặp Đề

Thám thảo luận kế hoạch cứu nước. Từ năm 1903 đến năm 1906 Phan Bội Châu đến Phồn Xương hai lần. Đề Thám đã thỏa thuận với Phan Bội Châu một số điểm quan trọng. Sau khi gia nhập Duy Tân Hội, Đề Thám đã thành lập đảng Nghĩa Hưng nhằm bí mật liên kết những người yêu nước chống Pháp và trú tính một cuộc nổi dậy (1). Đề Thám cũng phái người thân tin mang tờ hịch đi nhiều nơi ở Bắc Kỳ để kêu gọi các hào kiệt cùng tham gia khởi nghĩa chống Pháp, nhiều sĩ phu yêu nước đã thành viên của đảng Nghĩa Hưng đã giả làm thầy bói, thầy tướng đến những nơi đông người như đền Kiếp Bạc (thờ Trần Hưng Đạo), đền Gióng (thờ Phù Đổng Thiên Vương), đền phủ Giầy (thờ Liễu Hạnh Công chúa), v.v... để bói toán, cầu cơ, nhưng công việc chính của họ là tuyên truyền, kêu gọi tinh thần yêu nước, thúc đẩy khởi nghĩa.

Hà Nội là nơi mà các sĩ phu yêu nước hoạt động mạnh nhất.

Nhờ phương thức hoạt động này, đảng Nghĩa Hưng đã thu hút được nhiều binh sĩ Việt Nam trong quân đội Pháp từ chỗ đi lại thân mật với các thầy bói, thầy tướng, họ đã dần dần nhận ra sự dối xũ tàn tệ của bọn sĩ quan Pháp đối với họ, thân phận tòi dòi của người dân mất nước, sự chênh lệch quá đáng về quyền lợi giữa binh lính Pháp đồng cấp với binh lính Việt Nam. Kết quả là nhiều binh sĩ Việt Nam giác ngộ tinh thần yêu nước và hăng hái gia nhập tổ chức Nghĩa Hưng, kiên quyết khởi nghĩa. Sau khi tổ chức xong các nhân mối nội ứng, Đê Thám và những người cộng sự thân tin đã quyết định một kế hoạch hành động quyết liệt ở Hà Nội như sau: Sau khi đầu độ các sĩ quan và binh lính người Pháp, các binh sĩ yêu nước Việt Nam sẽ nổi dậy chiếm các cơ quan quân sự và kho vũ khí của địch, nghĩa quân Yên Thế và các toán nghĩa sĩ ứng nghĩa phục sẵn xung quanh Hà Nội sẽ phối hợp thành động và đánh vào các công sở, các cơ quan đầu não của địch, tạo thành một cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội. Nếu cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội thành công, thì tại nhiều nơi khác ở Bắc Kỳ cũng sẽ có những cuộc khởi nghĩa tương tự hoặc nghĩa quân sẽ từ Hà Nội kéo về phối hợp. Nhưng Hà Nội vẫn là điểm chính của kế hoạch khởi nghĩa.

Nhận định trên của chúng tôi về vai trò của Đê Thám trong cuộc khởi nghĩa này là dựa vào những hồi ký, đặc biệt là dựa vào những biên bản hỏi cung của hai yếu nhân đã tham gia vào cuộc khởi nghĩa này mà mãi mấy tháng sau thực dân Pháp mới bắt được, trong khi đó ngay từ những ngày đầu chúng đã vấy bắt được khá nhiều người khác. Jules Bosc, Công sứ Hà Đông, thành viên chủ chốt của Hội đồng đề hình, đã đích thân tra hỏi hai người này và những phạm nhân quan trọng khác trước khi đưa ra Hội đồng đề hình xét xử. Những biên bản hỏi cung được Jules Bosc báo cáo ngay cho Thống sứ Bắc Kỳ vào những ngày 10-11-1908 và 13-11-1908. Dưới đây là toàn văn lời khai của Đỗ Đám ngày 13-11-1908<sup>(2)</sup>.

« Vào tháng 3 năm ngoái<sup>(3)</sup> tôi được Lý Nho giới thiệu với Đê Thám. Đê Thám đã tiếp tôi và cho tôi ở một ngôi chùa ở gần Phồn Xương.

Trong lúc ở đây, tôi được nghe thấy Đê Thám giục Lý Nho phải thúc đẩy binh lính người Việt trong quân đội Pháp và các vị thân hào nổi dậy. Tôi nhận thấy nhiều người ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ đã đến gặp Đê Thám; trong số đó có một số người được Đê Thám

kính trọng như: Tứ Ngón ở Hà Tĩnh, Bùi Xuân Phòng, Tú tài ở huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An. Bùi Xuân Phòng đã chết ở Yên Thế và được chôn cất ở gần nhà Tứ Ngón. Ấm Bình, con của quan Ông Ích Khiêm, nguyên Tiểu phủ sứ Quảng Nam; Ấm Châu, con của Hồ Bá Ôn, nguyên An sát Nam Định, người huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Đào Chấn Lữ, con của Đào Bá Đoan, Thủ khoa, ở làng Thọ Vực, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh; Chu Văn Trác, Cử nhân võ, người Nghệ An.

Tất cả những người này đều là những thủ lĩnh của những cuộc nổi dậy, đó là những người rất có ảnh hưởng ở trong nước, có tinh thần cương quyết và có khả năng lôi kéo quần chúng.

Đê Thám rất quý trọng Điền Ân và Hai Cán, là những người tâm phúc của Đê Thám. Điền Ân có nhiệm vụ đi khắp các tỉnh ở Bắc Kỳ, mang mệnh lệnh khởi nghĩa của chủ tướng đến các thủ lĩnh địa phương. Đê Thám cũng phái Ấm Bình về vùng Lương Sơn và Lương Thủy ở tỉnh Hòa Bình để chiêu mộ người Mường. Đê Thám đã tìm cách thiết lập một trung tâm nổi dậy ở vùng rừng núi gọi là Rung Ngang hay Hoang Ngang (chữ lờ mờ, đọc không rõ, N. V. H. chú thích +). Vào tháng ba năm nay cô Tài (một phụ nữ ở nhà Lang Sẹo) và tôi quay trở lại gặp Đê Thám. Đê Thám đã khiển trách mạnh mẽ Lý Nho vì ông không thành công trong việc tấn công Hà Nội. Lý Nho xin hứa là ông sẽ hết sức cố gắng thực hiện kế hoạch này vào tháng 4 hay tháng 5 năm nay.

Đê Thám đã tập hợp những người thân tín lại và nói đại ý như sau: Kỳ Ngoại hầu Cường Đê và Phan Bội Châu đã viết thư cho Đê Thám nói là các ông sẽ trở về nước trong năm nay. Vì thế chúng ta phải làm tất cả những gì cần thiết ngõ hầu chiếm được Bãi Kỳ trước khi hai vị trở về. Mọi người phác thúc đẩy nhân dân trong từng vùng mình nổi dậy. Đê Thám sẽ phụ trách việc chiếm Đáp Cầu và tỉnh Bắc Giang. Sau đó Đê Thám phát cho mỗi người có mặt lúc đó một tờ giấy có ghi như sau: Bắc Kỳ Tam quân Nguyên súy (Tổng chỉ huy quân thứ Bắc Kỳ) cho biết Kỳ Ngoại hầu đã quyết định việc tái chiếm lại đất nước sẽ phải tiến hành trong năm nay. Vì thế các thủ lĩnh chính phải làm tất cả mọi việc cần thiết để có tiền bạc tiện cho việc chi dùng trong chiến tranh.

Sau đó ngày 29 tháng 5 (tức 27-6-1908) tôi đến gặp Đội Hồ, cũng tại đây tôi còn gặp Cai Ba Nhân và một người nữa cắt tóc ngắn mà Đê Thám phái về tham gia vào việc tấn công Hà Nội. Hai thủ hạ này của Đê Thám đã mang theo 4 mét lụa đỏ để dùng vào

việc may cờ mà các binh sĩ khởi nghĩa sẽ kéo lên ở 4 góc thành. Diên Ân cũng có mặt ở Hà Nội và ở nhà Lang Sọ. Cai Ba Nhân và Tú Con, những thủ hạ thân tín của Đề Thám, cũng đến ở nhà thầy phù thủy và thầy tướng ở phố Hàng Buồm, mỗi khi họ xuống Hà Nội và mang tặng phẩm của Đề Thám gửi viên Toàn quyền và Thống sứ Bắc Kỳ.

Tôi khẳng định: Đề Thám là người chủ mưu thật sự của phong trào cách mạng này (chúng tôi nhấn mạnh, N.V.H chú thích<sup>(4)</sup>). Ước vọng lớn của Đề Thám là đánh đuổi được người Pháp ra khỏi đất nước mình và suy tôn Kỳ Ngoại hầu làm vua nước Nam. Bằng chứng là những bằng sắc phân phát trong dịp này đều mang danh nghĩa của vị Hoàng thân nhà Nguyễn. Đề Thám liên lạc với Phan Bội Châu qua Diên Ân làm trung gian và Diên Ân có thể mang thư của Đề Thám tới Hồng Kông<sup>5</sup>.

Đỗ Đảm còn nói thêm là chính mắt Đảm đã được xem thư của Phan Bội Châu gửi cho Đề Thám.

Nguyễn Văn Thiệp, tức Cửu Phù Lưu, 37 tuổi, người làng Phù Lưu, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, ngày 10-11-1908 đã khai toàn văn như sau<sup>(5)</sup>.

“Tháng 9 năm ngoái tôi có quen biết Đỗ Tư ở làng Cốc Thôn, tỉnh Hà Nam. Đến tháng 10 năm ngoái, hai người lên Phồn Xương gặp Đề Thám. Đề Thám cho biết ông vừa nhận được một bức thư của Phan Bội Châu báo tin Kỳ Ngoại Hầu sắp trở về nước và Kỳ Ngoại hầu đã giao cho Phan Bội Châu nhiệm vụ đánh đuổi người Pháp ra khỏi Việt Nam. Vì thế tất cả chúng ta đều phải có nhiệm vụ giúp đỡ vào công cuộc này.

Đề Thám giao cho Đỗ Tư độ 40 tờ hịch mang đi rải ở các tỉnh Thanh Hóa, Hà Đông, Hà Nam. Đỗ Tư cũng mang những tờ hịch này đến Triều Nguyệt kêu gọi người Thổ và người Mường ứng nghĩa.

Đề Thám còn nói nếu việc chiếm Hà Nội không thành công thì Đề Thám sẽ đến vùng Triều Nguyệt đề ăn náu vì nơi đây Diên Ân đã đi lại nhiều lần đề chiêu mộ nghĩa quân.

Vào tháng 2 năm nay, tôi lại gặp Đề Thám. Đề Thám đã tổ chức phụ đồng đề xem ngày giờ nào thì nên khởi sự và ông từ đã đọc hai câu thơ nói rõ cuộc khởi nghĩa sẽ thành công trong tháng 5 và đến tháng 6 bọn Pháp sẽ phải chạy trốn về biển Đông.

Nhà sư Đức Diên đề nghị với Đề Thám xin tấn công Bắc Ninh vào tháng 3 năm nay và ông xin đảm nhận chức vụ chỉ huy trận

đánh này. Đề Thám tán thành đề nghị của nhà sư. Nhưng suy nghĩ lại Đề Thám cho rằng trước hết nên chiếm Hà Nội, thủ phủ xứ Bắc Kỳ. Một khi đã làm chủ được thành phố này thì nghĩa quân sẽ dễ dàng chiếm được những thành phố khác và dân chúng sẽ mau chóng quy phục mình.

Đề Thám muốn suy tôn Kỳ Ngoại hầu làm vua nước Nam. Đề Thám cũng muốn thiết lập kinh đô ở Hà Nội và ông sẽ trở thành người đầu tiên chinh phục được xứ này. Đề Thám còn nói ông đang tìm cách kiếm 10.000 đồng để mua súng của người Anh. Đề Thám cũng liên lạc với những người Việt Nam ở Nhật Bản qua người trung gian là Diên Ân, một người tâm phúc của Đề Thám. Diên Ân rất có ảnh hưởng đối với Đề Thám và ông tự nhận là chú của Đề Thám<sup>(6)</sup>.

Ngày 28 tháng 5 năm nay Đỗ Tư đến nhà tôi cho biết ngày giờ tấn công Hà Nội đã được ấn định vào ngày mai. Những binh lính ở trong thành phải nổi dậy chống lại người Pháp, phải mở cửa các kho súng trong thành để phân phát cho những người đi tấn công, những người này mang phù hiệu riêng. Ngày 29 tháng 5 vào buổi sáng, Đỗ Tư và tôi đến ga Phú Thị (đường Hải Phòng) để gặp Tổng Mỹ ở làng Đông Mai và Đỗ Phúc ở làng Long Đình (Hưng Yên). Tổng Mỹ đã huy động 8 chiếc thuyền chở đầy người từ mạn Đông Rù (Bắc Ninh) kéo về để tham gia cuộc tấn công Hà Nội.

Tổng Mỹ, Đỗ Phúc, Đỗ Tư đi Hà Nội để thụ thập tin tức. Vào hồi 4 giờ chiều, ba người này quay trở về Dương Xá và cho biết là câu chuyện đã hỏng rồi, mật thám đang lùng bắt ở quán cơm mà họ đang ở. Tổng Mỹ và Đỗ Phúc cùng đồng đội lập tức đi trốn. Đỗ Tư và tôi ngủ đêm ở nhà Ba Biều đề cố chờ xem tin tức ở Hà Nội ra sao. Ngày hôm sau thấy vụ đầu đổ vỡ lổ, chúng tôi liền phân tán.

Ngày 3 tháng 7 năm nay tôi bị bắt ở làng tôi. Tôi nghe ông từ coi đèn cho Đề Thám nói Đề Thám đã đánh hai thành gươm đề trao cho những người chỉ huy cuộc tấn công vào Hà Nội, tôi không biết rõ những thanh gươm này đề ở đâu<sup>7</sup>.

Những biên bản hỏi cung trên đây là những tài liệu được đóng dấu “tuyệt mật” và chỉ có những tên thực dân cao cấp lúc đó mới được đọc. Lời khai mang tính chất cụ thể, chính xác, không bịa đặt, tất nhiên chưa phải là toàn bộ sự thật, nhưng cũng đủ để chúng ta thấy được tính chân thực của chúng. Hai người này khai báo không phải để nhằm mục đích “minh oan” hoặc

"gỡ tội" cho bản thân. Đỗ Đám bị Hội đồng đề hình kết án tử hình ngày 27-11-1908, còn Nguyễn Văn Thiệp tức Cửu Phù Lưu bị kết án 20 năm khổ sai.

Qua tinh thần và những sự việc nêu ra trong lời khai của hai yếu nhân chưa quen biết nhau của cuộc khởi nghĩa, bị bắt tại những điểm khác nhau, bị giam giữ riêng và bị hỏi cung vào những thời gian khác nhau, chúng ta đều thấy nổi lên nhiều điểm thống nhất như: kế hoạch hành động, ngày giờ hành động, mối quan hệ giữa Phan Bội Châu và Đê Thám, vai trò của Điền Ân, v.v... Và đặc biệt cả hai người đều thừa nhận: Đê Thám là người tổ chức và chỉ đạo cuộc khởi nghĩa.

Nhận định trên đây của Đỗ Đám và Nguyễn Văn Thiệp về vai trò của Đê Thám trong cuộc khởi nghĩa 27-6-1908 đã hoàn toàn phù hợp với hồi ký của một số nghĩa sĩ đã được lệnh chuẩn bị tham gia tấn công Hà Nội và sau đó đã gia nhập nghĩa quân Yên Thế. Dưới đây là một số đoạn trong hồi ký của ông Nguyễn Đình Cốc, tức Đốc Nghiêm, sinh năm 1874, người thôn Hòe Lâm, huyện Mỹ Hào, Hải Hưng, có liên quan đến vấn đề này (1): «Sau khi trình bày chí hướng, bản luận thời thế, cách thức tiến thoái, tôi được ông Đê Thám phong cho chức «Tham tán quân vụ» cùng với ông Cả Tuyên là con ông Tân Thuật về tinh nhà xây dựng hội «Trung châu ứng nghĩa đạo».

Nhận mệnh lệnh của ông Đê Thám, về nhà tôi bàn bạc với ông Cả Tuyên về việc xây dựng hội «Trung châu ứng nghĩa đạo». Hội này là một tổ chức của nghĩa quân Yên Thế. Nó có nhiệm vụ khuếch trương thế lực của Yên Thế xuống đồng bằng... Những hội viên của Hội này tuy không tập trung song họ cũng phải luyện tập để khi cần thiết có thể trở thành một đội quân. Họ lại có nhiệm vụ tích trữ lương thực, súng đạn để khi cần đến có ngay.

Tôi và ông Cả Tuyên bàn định với nhau xong liền chia nhau đi chiêu mộ người. Để giữ bí mật... tổ chức của Hội theo nguyên tắc như sau:

- Chia theo khu vực địa lý.
- Hội viên liên lạc với nhau theo từng cấp một. Hội viên phải thông qua tổ trưởng hội viên, rồi rèn luyện và cứ thế lên đến ông Đê Thám.

Giữa các hội viên không được biết tên nhau. Trừ người có trách nhiệm, những hội viên thường cũng không được biết danh sách toàn bộ hội viên.

Người chỉ huy cao nhất là Cường Đê. Tuy ở nước Nhật nhưng Cường Đê vẫn có thư từ đi về. Ông Đê Thám được Cường Đê phong chức «Bắc Kỳ Tam quân Nguyễn sủng đại thần quan».

Từ khi thành lập Hội cho đến khi Hội bị tan vỡ. Chúng tôi có khoảng 300 khẩu súng. Số súng này mua từ bên Tàu và qua tay Lương Tam Kỳ. Mỗi khi có súng về đến biên giới, ông Đê Thám báo cho tôi biết, tôi bên cho người lên biên giới mang về. Ở đây xin nói thêm một chút: sự liên lạc giữa «Trung châu ứng nghĩa đạo» với Yên Thế do tôi chịu trách nhiệm. Ông Đê Thám có Điền Ân, tức Hoàng Đình Ân, giúp việc. Giấy tờ, sổ sách đều do ông Điền Ân giữ cả.

Sau một thời gian chuẩn bị, tôi được lệnh mang quân về đánh thành Hà Nội. Tôi còn nhớ một đoạn trong tờ trát lúc ấy như sau: «Bắc Kỳ Tam quân Nguyễn sủng đại thần vì trát sức sự trí tiếp quý điện Ngoại hầu Điện hạ chỉ kỳ quân quốc dữ chủ sự vụ định... niệm nội thảo biên nhận sở dĩ sung quân quốc chi như tư trát sức giả «Trung châu ứng nghĩa đạo» tu sửa lương thực, khí giới đãi kỳ hạ nhật thượng lệnh chuẩn y giao binh xuất trận».

Ít lâu sau chúng tôi được lệnh mang quân về Hà Nội. Bao nhiêu súng ống dự trữ từ trước tới nay đều mang ra hết. Chúng tôi và nghĩa quân Yên Thế kéo về Hà Nội cùng với ngót 100 chiếc thuyền. Cứ một quãng sông lại có một chiếc thuyền đậu. Ông Đê Thám cũng cải trang về bến Bồ Đề để trực tiếp chỉ huy chúng tôi. Mọi việc đều chuẩn bị đầy đủ cả, chỉ còn chờ súng lệnh là chúng tôi phát hỏa.

Không ngờ tất cả công việc trở thành mây khói vì có người báo, nên bọn Pháp đã bố trí lực lượng đề phòng. Những người cầm đầu bị chúng bắt giam. Chờ mãi không thấy gì, biết cơ mưu bại lộ, chúng tôi phải rút lui».

Hồi ký của Đốc Nghiêm làm sáng tỏ thêm nguyên tắc tổ chức bí mật của các nghĩa sĩ trong «Trung châu ứng nghĩa đạo» cũng như người giúp Đê Thám nắm mối dây liên lạc với các nghĩa sĩ là Điền Ân. Hồi ký còn cho chúng ta biết rằng chính Đê Thám là người tổ chức và chỉ đạo cuộc khởi nghĩa 27-6-1908 ở Hà Nội (như Đỗ Đám và Nguyễn Văn Thiệp đã khai); và ngày hôm đó Đê Thám cũng có mặt ở bến Bồ Đề để trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công.

Thím Hồng (2), nguyên là chủ hàng cơm tại phố Cửa Nam, nơi các nghĩa sĩ thường gặp gỡ các binh lính yêu nước, đã tham gia vào vụ đầu độc binh lính Pháp năm 1908, cũng có một quan điểm tương tự:

« 1) Các ông Đội Bình, Cốc, Nhân v.v... chủ mưu nội ứng.

2) Âm mưu này đã có từ cuối năm 1907 và đã bị hoãn tới hai lần, do lãnh tụ nghĩa quân Yên Thế (hiện lúc này đang « hợp tác » với Pháp) thực thi ».

Thim Hồng còn kể lại chi tiết cách thức mà các sĩ phu, nghĩa sĩ vận động anh em binh lính Việt Nam như sau: « Mặc dù đang trong thời kỳ tạm thời đình chiến với giặc Pháp, nhưng lãnh tụ nghĩa quân Yên Thế Hoàng Hoa Thám vẫn bí mật liên lạc với một số sĩ phu chủ trương bạo động để trừ tính một cuộc vùng dậy khác mà đối tượng vận động là binh lính Việt Nam trong hàng ngũ Pháp.

... Hà Nội là nơi các sĩ phu nhắm vào trước nhất. Tại phố Cửa Nam có một cửa hàng vừa bán cơm vừa cho trọ, khách hàng ra vào tấp nập, đa số là binh lính, cai đội, bồi bếp... Ngoài ra còn có một số khách thường ở khắp nơi đến. Tất nhiên các thầy tướng số không thể không « chiếu cố » đến nơi này, và qua những cuộc bói toán, đi lại các thầy tướng số đã trở nên thân mật với một số binh lính Việt Nam thuộc pháo đội công vụ, trung đoàn 4 pháo binh như: Đội Bình, Đội Nhân, Đội Cốc, Cai Ngà, Bếp Xuân, Bếp Nhiếp... Rồi từ chỗ thân mật, các thầy tướng số chuyển sang mục đích tuyên truyền. Bên cạnh việc kêu gọi lòng yêu nước thương nòi, các thầy tướng số còn làm cho họ thấy rõ sự đối xử tàn tệ của bọn sĩ quan Pháp đối với họ, sự chênh lệch quá đáng về quyền lợi giữa binh lính Pháp đồng cấp với binh lính Việt Nam... Vì những uất hận chônng chất từ lâu, nay có người nhắc tới nên đã có những hiệu quả lạ lùng và việc gia nhập đảng không còn bao xa nữa.

Sau khi tổ chức xong các nhân mối nội ứng, nhiều cuộc họp bí mật được tổ chức tại nhà « thầy tướng » Nguyễn Văn Phúc tức Lang Sẹo ở phố Hàng Buồm và một kế hoạch tổng quát sau đây được vạch ra... » (9).

Sau khi đã trình bày ý kiến của chúng tôi về vai trò quyết định thực sự của Đê Thám trong cuộc khởi nghĩa 27-6-1908 ở Hà Nội; chúng tôi xin mạnh dạn trao đổi ý kiến thêm về một ý kiến cho rằng Đê Thám chỉ có vai trò tham gia hoặc tham gia tích cực vào sự kiện này mà thôi. Theo chúng tôi, ý kiến này thiếu cơ sở xác thực vì: Hệ quả lôgic tất yếu của ý kiến này sẽ là vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội chỉ là hành động tự phát của một số binh lính người Việt trong quân đội Pháp. Vậy ai là người đứng ra điều hòa, chỉ huy trong việc phối hợp giữa những lực lượng nghĩa quân đang ở bên ngoài Hà Nội

với binh lính khởi nghĩa? Ngay bên trong Hà Nội, nếu như cuộc khởi nghĩa nổ ra theo dự kiến, ai là người chỉ huy những người thợ điện làm nhiệm vụ phá hoại như cắt đứt đường dây điện thoại, điện tín hoặc làm cho thành phố bị chìm đắm trong bóng tối? Nếu anh em binh lính yêu nước đã tuyên truyền, lôi kéo những người thợ điện này từ trước thì tại sao thực dân Pháp lại không hay biết, nghĩ ngờ họ cho đến giờ phút chót trước lúc khởi sự? Một số binh lính yêu nước có thể có đủ uy tín để tập hợp một lực lượng đông đảo nhằm dân thuộc nhiều tầng lớp xã hội khác nhau đứng lên khởi nghĩa chưa? Nếu quy mô của cuộc khởi nghĩa không chỉ hạn chế ở Hà Nội mà còn lan rộng ra ở một số tỉnh, hoặc sau ngày 27-6-1908 thực dân Pháp còn phát hiện ra một số vụ phá hoại hoặc kế hoạch khởi nghĩa ở một số địa phương; vậy ai là người chỉ huy những hành động này?

Tóm lại, nếu suy luận theo ý kiến nói trên chúng ta không thể tìm thấy người tổ chức và chỉ huy cuộc khởi nghĩa 27-6-1908 cũng như hàng loạt sự việc xảy ra sau đó; trong khi một tên nhà báo thực dân đương thời đã nhận xét rất đúng: « Người ta cảm thấy đứng đằng sau tất cả... có một bộ óc đứng hàng đầu đang suy nghĩ và hành động » (10) để chỉ đạo tất cả những sự việc riêng lẻ xảy ra trước, trong và sau ngày 27-6-1908, để « lắp ráp » những bộ phận cá thể này trở thành một tổng thể, một kế hoạch hành động.

Đến đây có thể có một câu hỏi đặt ra là: Tại sao bọn thực dân Pháp và bọn nhà báo bồi bút của thực dân lại không hay biết gì về vai trò thực sự của Đê Thám trong cuộc khởi nghĩa 27-6-1908? Sự thật là bọn thực dân Pháp hầu như ai cũng biết rõ Đê Thám là nhân vật chính của cuộc khởi nghĩa 27-6-1908 nhưng chúng giữ tuyệt mật tin tức này, không lộ ra cho bọn thực dân cấp dưới, nghĩa là những tên không có phận sự, cho báo chí và những người đương thời biết. Theo chúng tôi, vì hai nguyên nhân sau đây: Thứ nhất, chúng không muốn cho Đê Thám biết là chúng đã nắm được tất cả sự thực và đầu mối của cuộc khởi nghĩa này vì sợ Đê Thám « thấy động » sẽ càng tích cực phòng bị chống lại chúng hơn. Thứ hai, chúng cũng sợ làm náo động dư luận về việc này, nhân đó bọn thực dân ngoan cố và ngu xuẩn ở Bắc Kỳ biết được sẽ làm to chuyện lên, đòi nhà cầm quyền Pháp phải có những biện pháp giáng trả mạnh mẽ ngay lập tức đối với Đê Thám; trong khi đó chúng phải có thời gian chuẩn bị lực lượng rồi mới tiêu diệt được Đê Thám.

## II - Khí tiết của những nghĩa sĩ khi sa lưới quân thù

Sau khi cuộc khởi nghĩa 27-6-1908 thất bại, thực dân Pháp ra lệnh giới nghiêm, chia quân đi đóng chặt các cửa ô, bao vây từng khu phố, bắt những người tình nghi. Ngày 30-6-1908 chúng thành lập Hội đồng đề hình với những quyền hành rộng rãi và những thủ tục xét xử nhanh chóng để đàn áp những người đã tham gia cuộc đấu độc và định tiến hành khởi nghĩa.

Chúng dùng nhục hình tàn bạo để tra hỏi những người bị bắt. Không để cho bọn quan lại tay sai của thực dân vận hỏi, có nghĩa sĩ đã trả lời thẳng vào mặt chúng: «Thật là kỳ lạ thay cho những câu hỏi của các người. Vì có gì mà các người cứ tra hỏi tôi thời chúng tôi. Là người Nam thì các người cũng phải hiểu rằng đã là người Nam thì ai cũng phải làm điều nghĩa. Các người làm quan lại càng phải thực hiện điều đó trước hết mọi người<sup>(1)</sup>». Thật là một cái tát đích đáng vào mặt bọn thực dân và bè lũ tay sai!

Đề không bỏ tình thần dân chúng, mặc dù cuộc tra xét còn đang tiếp tục, từ đầu tháng 7 đến tháng 12 năm 1908 Hội đồng đề hình đã công bố hàng loạt án tử hình và án tù như Đội Nguyễn Trí Bình (tử hình); Đội Đặng Đình Nhân (tử hình); Đội Nguyễn Văn Cốc (tử hình); Nguyễn Viết Hạnh tức Đội Hồ (tử hình); Nguyễn Văn Hiến tức Hai Hiến (tử hình); Đội Nguyễn Đắc Á ở Trung đoàn pháo thủ số 4 (tử hình); Bếp Vũ Văn Xuân ở Trung đoàn pháo thủ số 4 (tử hình); Nguyễn Văn Ngọc, Bếp ở Trung đoàn pháo thủ số 4, (tử hình), Nguyễn Văn Phúc tức Lung Sẹo hay Lang Lác, 45 tuổi, độc thân, người làng Thượng Phúc, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, trú quán ở 51 Hàng Buồm, Hà Nội (tử hình); Lưu Bá Giao, đồ Dầu xứ, 49 tuổi, người làng Bình Đà, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (20 năm khổ sai); Trần Văn Song tức ông Chánh, 37 tuổi, cựu Lý trưởng làng Phượng Tiên, tổng Nhâm Hữu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (tử hình); Nguyễn Xuân Ba tức Cai Thâm, 35 tuổi, cai xe kéo ở phố Yên Thành, Hà Nội (tử hình); Nguyễn Đăng Duyệt, tức ông Phó, 39 tuổi, người làng Văn Nội, tổng Phú Lâm, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, công nhân làm vườn ở Phủ Toàn quyền, có tham gia vào việc pha chế thuốc độc, (5 năm khổ sai), v.v...

Chúng còn bày trò xử chém một số nghĩa sĩ và mang bêu đầu của họ tại các cửa ô Cầu Giấy, ô Cầu Gièn và chợ Mơ. Đã man hơn nữa chúng còn bắt gia đình, thân nhân của

những nghĩa sĩ này phải chứng kiến cảnh hành hình những người thân của mình. Nhưng trái với sự tính toán để hèn của chúng, trên đường đi ra pháp trường, phần lớn những nghĩa sĩ này vẫn giữ được tư thế hiên ngang, dũng cảm, có người vừa đi vừa luôn mồm chửi rủa giặc Pháp tàn bạo. Chúng tôi xin trích dịch một số đoạn trong các bản báo cáo hoặc các bài báo của bọn thực dân nói về thái độ của các nghĩa sĩ mặt đối mặt với cái chết:

Tờ L'Avenir du Tonkin («Tương lai xứ Bắc Kỳ») số 3997 ra ngày 9-7-1908 có những đoạn mô tả vụ hành quyết diễn ra ngày thứ tư 8-7-1908 như sau: «Công sứ Duvillier cùng với Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu bước vào xà lim thứ nhất. Công sứ nói với phạm nhân thứ nhất: «Mi có muốn xin ân huệ gì trước khi chết không?». Phạm nhân này lắc đầu từ chối. Tình hình như vậy lại diễn ra đối với người thứ hai và người thứ ba.

Những phạm nhân bước ra khỏi xà lim một cách bình thản».

Rồi xen vào bài tường thuật là lời bình luận của tên nhà báo thực dân: «Người ta giật tim mặt hoặc ngạc nhiên khi thấy họ bình tĩnh đến như vậy».

Bài báo viết tiếp: «Vào hồi 6 giờ 30 phút, đi giữa những binh lính và sen đầm người Âu, ba kẻ phạm nhân này đã bước qua cổng nhà tù, đầu ngẩng cao. Một người trong bọn họ có thái độ đặc biệt cương quyết, đó là người Đội. Y' khinh miệt nhìn đám đông người Âu.

Khi đến pháp trường, ba kẻ phạm nhân này mặc quần áo mỏng manh, tay bị còng, đi vào giữa hàng lính. Họ vẫn ngẩng cao đầu, tỏ rõ cương quyết, không do dự. Khi bọn đao phủ kéo họ vào chỗ hàng cọc, họ cũng không lộ vẻ sợ hãi, ánh mắt của họ vẫn bình thản hình như điều sắp xảy ra không dính dáng gì đến họ.

Cuộc hành quyết đã kết thúc vào lúc 7 giờ 15 phút».

Ba nghĩa sĩ hy sinh vì nước trong ngày hôm ấy là các ông Đội Nguyễn Văn Cốc, 39 tuổi, Nguyễn Trí Bình, 34 tuổi và Đặng Đình Nhân. Báo cáo mặt của thực dân Pháp còn cho biết trước khi bị hành quyết, Nguyễn Trí Bình đã tuyên bố đồng dục: «Người ta ai cũng phải một lần chết, nhưng chết vì nghĩa lớn thì thật là sung sướng! Chúng tôi đã bị những kẻ xấu làm phản khi chúng tôi chuẩn bị khởi nghĩa.

Tôi sung sướng mà chết. Hãy nhớ lấy thù này và nếu nay mai thành công thì các bạn đừng quên gia đình tôi»<sup>(12)</sup>.

Trong vụ hành quyết ngày 3-12-1908, trước khi chết, có nghĩa sĩ đã nói to:

« Chúng tôi chết vì đại nghĩa chứ không phải chết vì giết một con gà »<sup>(13)</sup>.

Báo chí của bọn thực dân Pháp đương thời cũng phải ca ngợi: « Như người ta đã thấy họ (chỉ những nghĩa sĩ đi ra pháp trường—

N. V. H. chú thích) xử sự như là những người chết vì đại nghĩa quốc gia chứ không phải là những kẻ sát nhân bình thường. Họ đã cam đảm đón nhận cái chết »<sup>(14)</sup>.

Trong cuộc khởi nghĩa 27-6-1908 nhiều nghĩa sĩ đã bị bắt và hy sinh vì nước, nhưng trong trận chiến đấu cuối cùng giữa họ với bọn thực dân cướp nước chính họ lại là những người chiến thắng, còn bọn đao phủ thực dân là những kẻ vô cùng hoảng sợ trước khí phách anh hùng của họ.

### III — Mấy nhận xét về cuộc khởi nghĩa

Có ý kiến cho rằng sau lần đình chiến thứ hai (12-1897) Đê Thám chỉ lo thủ hiểm ở vùng Yên Thế và ông đã bị động đối phó trước cuộc đại tấn công của giặc Pháp vào nghĩa quân năm 1909. Sự thực lịch sử đã hoàn toàn khác hẳn. Tuy ngoài mặt phải « giảng hòa » với giặc, nhưng bên trong Đê Thám vẫn tích cực chuẩn bị lực lượng chờ cơ hội thuận lợi tấn công kẻ thù. Đê Thám thừa biết không sớm thì muộn sẽ diễn ra một trận chiến đấu một mất một còn giữa nghĩa quân với giặc Pháp. Vì thế nghĩa quân phải chủ động tấn công kẻ thù trước thì mới giành được ưu thế. Nghĩa quân phải vừa củng cố căn cứ địa vừa tích cực tạo và chớp lấy thời cơ tấn công vào sào huyệt của địch, giành thắng lợi trong cả nước. Cuộc khởi nghĩa 27-6-1908 đã được chuẩn bị tích cực trong nhiều năm và đã diễn ra với phương châm chiến lược đúng đắn đó. Trải qua quá trình đấu tranh lâu dài với kẻ thù, tuy có lúc phòng ngự, rút lui chiến lược cần thiết trong từng thời kỳ, nhưng tư tưởng nổi bật của phong trào nông dân Yên Thế vẫn là tư tưởng tấn công và tấn công liên tục nhằm đánh đổ ách thống trị của bọn thực dân Pháp. Đứng trước một kẻ địch có quân số đông hơn, có tiềm lực kinh tế và quân sự lớn hơn gấp nhiều lần so với nghĩa quân: Đê Thám đã nhìn thấy tầm quan trọng của các thành phố, thị xã trong việc nghĩa quân lựa chọn phương hướng, mục tiêu tấn công kẻ thù. Thành phố, thị xã là những nơi mạnh, hiểm của kẻ địch, nhưng chúng cũng có nhiều sơ hở và nghĩa quân có thể lợi dụng để tấn công được. Đánh vào chỗ hiểm của địch, thì với một lực lượng nhỏ cũng có thể tạo thành tác động lớn. Muốn tấn công vào các thành phố, thị xã, Đê Thám đã sử dụng đến khởi nghĩa, một hình thức thích hợp nhất để bắt ngờ quật ngã kẻ thù. Thành phố lại là nơi tập trung giai cấp công nhân, một giai cấp mới ra đời nhưng lại giàu tinh thần cách mạng và sẵn sàng tham gia mọi phong trào yêu nước chống

thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc khởi nghĩa 27-6-1908 tại Hà Nội, ngoài một số anh em binh lính khổ đờ là lực lượng chủ lực tham gia vụ đầu độc, còn có một số đồng là bồi bếp, lính thợ, công nhân nhà máy đèn và công nhân ở ngoài phố. Vai trò của công nhân trong cuộc khởi nghĩa này đã được Pháp chú ý đến: « Những người thợ điện sẽ sử dụng những hiểu biết của họ do quá trình phục vụ chúng ta vào việc cắt đứt những đường dây điện tin và điện thoại cũng như làm tê liệt ánh đèn điện trong thành phố »<sup>(15)</sup>. Đê phá hoại đường ray và những toa xe lửa, chắc chắn nghĩa quân phải phối hợp với công nhân đường sắt để tiến hành.

Lại có ý kiến cho rằng Đê Thám coi thường nhân sĩ, trí thức; điều này biểu hiện chính sách dùng người hẹp hòi của ông khiến cho phong trào nông dân Yên Thế không thu hút được sĩ phu là những người đang có vai trò rất quan trọng trong việc truyền bá tư tưởng ái quốc trong nhân dân ta hồi đầu thế kỷ XX. Theo chúng tôi, ý kiến này chỉ có cơ sở khi đánh giá Đê Thám mới bắt đầu tham gia phong trào chống Pháp xâm lược cho đến cuối thế kỷ XIX. Nhưng khi Đê Thám trở thành người tổ chức và chỉ đạo cuộc khởi nghĩa 27-6-1908, thì ý kiến nói trên là chưa đúng đắn. Từ đầu thế kỷ XX Phan Bội Châu đã hai lần đến Phồn Xương gặp Đê Thám và trong khi ở nước ngoài nhiều lần cụ Phan có thư từ qua lại với Đê Thám; điều này chắc chắn có ảnh hưởng lớn đến Đê Thám. Bản thân Đê Thám cũng vươn lên và có một tầm nhìn mới đối với trí thức. Điền Ân, người tâm phúc và là mưu sĩ của Đê Thám, là một trí thức. Đê Thám đã thảo luận kế hoạch cứu nước với các nhân sĩ, trí thức có tên tuổi như Nguyễn Đình Kiên, Phan Chu Trinh, Lê Văn Huân, v.v... Đê Thám rất kính trọng Tú Ngồn, Bùi Xuân Phòng, Âm Bình, Âm Châu, Đào Chấn Lữ, Chu Văn Trác, v.v... đó là « những người rất có ảnh hưởng trong nước, có tinh thần cương quyết và có khả

lời kéo quần chúng», như lời khai của Đỗ Đám đã cho biết. Các sĩ phu chủ trương bạo động cũng đã thành công trong việc vận động binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp tham gia khởi nghĩa. Nghĩa quân Yên Thế còn lôi kéo được nhiều phần tử trí thức tham gia: « Đáng chú ý là đa số những người bị bắt ra trước Hội đồng đề hình là những phần tử có học. Họ không phải là thông ngôn, kỹ giả, tá sự mà là những nhà nho ở rải rác khắp các tỉnh làm nghề tự do, nhưng họ không quên tuyên truyền tư tưởng bài Pháp cho những người xung quanh. Chắc chắn họ là những người cầm đầu Phong trào, là những thủ phạm có trách nhiệm lớn (16) ».

Trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa, đảng Nghĩa Hưng và Đề Thám cũng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm giác ngộ binh lính địch, lôi kéo họ về phía nghĩa quân. Đây là một mũi tấn công chiến lược trong khởi nghĩa vũ trang mà Đề Thám đã hoạt động thành công: từ chỗ giác ngộ tinh thần yêu nước cho binh lính địch, nghĩa quân đã lôi kéo họ tham gia vào cuộc khởi nghĩa, tạo điều kiện cho lực lượng nghĩa quân ở ngoài tiến vào phối hợp chiến đấu. Hồ Chủ tịch nói: « Sách quân sự có câu: « Đánh mà thắng địch là giỏi. Không đánh mà thắng địch là nhờ địch vận » (17) ».

Trong nghệ thuật khởi nghĩa Đề Thám cũng nhìn thấy được một ưu thế mà Pháp đang có trong tay là pháo binh. Pháp nắm độc quyền binh chủng đặc biệt này. Những đơn vị pháo binh gồm toàn là người Âu, chúng không bao giờ cho người Việt học cách sử dụng pháo. Pháp chỉ dùng người Việt vào những công việc lật vật, đó là những lính thợ pháo thủ (ouvrier d'artillerie). Muốn khởi nghĩa thành công, nghĩa quân phải làm chủ được hay ít nhất cũng làm tê liệt được các cơ pháo, khiến cho Pháp mất ưu thế đó. Đề Thám đã làm tốt công tác binh vận này và lôi kéo được hầu hết hai đại đội lính thợ pháo thủ theo ta, giao những nhiệm vụ quan trọng cho họ khi cuộc khởi nghĩa nổ ra. Trong lần khởi sự thứ nhất định tiến hành vào ngày 15-11-1907, nghĩa quân chủ trương lợi dụng trong khi quân Pháp đi tập bắn ở Sơn Tây, binh lính Việt Nam sẽ nổi dậy giết hết tất cả binh lính và sĩ quan người Âu trong lúc chúng đang ngủ để chiếm những khẩu pháo 75 ly (18). Trong lần khởi nghĩa 27-6-1908, binh lính người Việt yêu nước được lệnh: một số người lấy gỗ lim bịt kín miệng súng đại bác của địch lại hoặc cắt đầu kim hỏa pháo đi, những người khác dùng dao chém bấp chân những con la đực để cho Pháp thiếu xe chở pháo (19). Công việc này đã được hoàn thành. Ngày hôm sau Pháp mới phát hiện ra những cổ

pháo của chúng không bắn được nữa. Đến tháng 7-1908 Pháp còn phát hiện thấy những cơ bãm và kim hỏa của pháo 75 ly đều bị hỏng (20).

Đề Thám có được những ưu điểm nói trên là do cuộc khởi nghĩa Yên Thế đã chuyển biến từ phong trào nông dân yêu nước địa phương hồi cuối thế kỷ XIX sang phong trào giải phóng dân tộc có tính chất nông dân từ đầu thế kỷ XX. Sau khi Phong trào Cần Vương lần lượt bị dập tắt hồi cuối thế kỷ XIX, những người Việt Nam yêu nước, nhất là những người ở Bắc và Trung Kỳ, đã đặt tất cả niềm tin và kỳ vọng của mình vào Đề Thám, người lãnh đạo phong trào vũ trang chống Pháp duy nhất còn tồn tại đến lúc ấy. Nhiều người đã kính trọng Đề Thám đến mức gần như là tôn sùng, mê tín ông. Nhiều huyện thoại đã được thêu dệt xung quanh con người Đề Thám. Có thể khẳng định: *Đề Thám cùng với Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh là ba nhân vật tiêu biểu cho phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong giai đoạn trước khi Đảng ta ra đời.*

Thực dân Pháp cũng đã ý thức được điều đó. Trong phiên họp của Quốc hội Pháp ngày 27-7-1909, Nghị sĩ Messimy phải thốt lên: « Đông Dương đang trải qua một cuộc khủng hoảng (...). Nhưng còn hơn thế nữa, nếu căn cứ theo một vài nguồn tin thì hình như số phận của toàn bộ Đông Dương đang bị lâm nguy (...) Quyền lực luân lý và uy tín của Đề Thám đã gia tăng đặc biệt. Khởi thủy chỉ là một tên cầm đầu bọn giặc cướp bình thường, nhưng dần dần Đề Thám đã được đồng bào của y coi là anh hùng dân tộc: đối với nhiều người, Đề Thám đã trở thành hiện thân của tâm hồn của người An Nam và người ta đang chờ đợi thời cơ, có thể là sắp đến, trong đó Đề Thám sẽ trở nên người giải phóng tương lai cho xứ Bắc Kỳ » (21).

Bên cạnh một số ưu điểm nói trên, nghĩa quân Yên Thế cũng có những thiếu sót, sai lầm nghiêm trọng. Trong nghệ thuật khởi nghĩa, bí mật, bất ngờ là một trong những nhân tố quan trọng để tạo thế mạnh cho ta vì kẻ địch bị đánh vào nơi, vào lúc mà chúng không phòng bị, chúng sẽ không kịp trở tay, không kịp phát huy sức mạnh của chúng thì đã bị ta nhanh chóng tiêu diệt. Nhưng Đề Thám đã không giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ tuyệt đối ấy và đó cũng là một trong những nguyên nhân làm cho cuộc khởi nghĩa 27-6-1908 bị thất bại. Cách tổ chức của nghĩa quân lại thiếu chặt chẽ, kẻ gian đã chui vào được hàng ngũ của ta và báo tin cho Pháp biết để phòng khiến cho cuộc tấn công chưa kịp nổ ra đã thất bại. Đề Thám có tổ chức ra đảng



Nghĩa Hưng, « Trung châu ứng nghĩa đạo », v.v... đề thu phục nhân tâm và tập hợp lực lượng. Nhưng đây không phải là một chính đảng cách mạng có chính cương, điều lệ rõ ràng mà chỉ là một tổ chức bí mật nhằm liên kết những người yêu nước hoạt động chống Pháp mà thôi.

Những khuyết điểm trên đây bắt nguồn từ chỗ Đê Thám cũng như những phong trào yêu nước khác hồi đầu thế kỷ XX chưa tìm ra được những phương sách, những chiến lược, chiến thuật mới để quật ngã kẻ thù. Họ vẫn áp dụng những kinh nghiệm cũ do tiền nhân để lại. Họ chưa nhận thức được đầy đủ tinh thần cách mạng, tương quan đối sánh lực lượng tá-địch đã thay đổi cũng như những giới hạn của kinh nghiệm cũ. Họ thiếu đường lối chính trị đúng đắn phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Cuộc khủng hoảng về vai trò lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến đối với phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta là học lộ rõ ràng. Do đó những người yêu nước nhiệt thành và đầy lòng hy sinh vì dân vì nước ấy vẫn không thể vượt qua được sự hạn chế lịch sử này.

Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa 27-6-1908 đã làm sôi động dư luận trong nước, nhất là bọn binh lính, sĩ quan và giới cai trị người Pháp ở Đông Dương thì vô cùng hoảng hốt. Nỗi lo sợ khủng khiếp của chúng là có căn cứ xác thực. Tin tức về vụ đầu độc lan truyền về Pháp khiến cho bọn thực dân đều thấy tình hình ở Việt Nam lúc đó thật là nghiêm trọng và đất nước Việt Nam không còn là nơi chúng có thể yên tâm thống trị. Tô Le Pilote (« Người hoa tiêu ») xuất bản ở Pháp số ra ngày 6-10-1908 viết: « Những sự kiện nghiêm trọng dị thường vừa xảy ra ở ngay tại thuộc địa Bắc Kỳ của chúng ta (...). Nếu chúng ta phải thực sự lo ngại về một tình trạng nguy hiểm đó chính là vì tinh mạng của đồng bào chúng ta (chỉ người Pháp, N.V.H chủ thích) và vì chủ quyền của nước Pháp tại đế quốc thuộc địa châu Á này ».

Báo Moniteur du Palais (Cung đình tân văn) cũng xuất bản ở Pháp, viết: « Việc đầu độc ngày 27-6-1908 đã được chuẩn bị hoàn hảo và nằm trong một chương trình được phối hợp tuyệt diệu nhằm thực hiện mục tiêu tiêu diệt toàn bộ trại lính Pháp và dân chúng châu Âu ở Hà Nội.

(...) Theo một nhân chứng mắt thấy tai nghe thì ở Bắc Kỳ đang diễn ra một tấn thảm kịch thực sự, một tấn thảm kịch còn đau lòng hơn điều mà chúng ta đang phải bận tâm ở Maroc (...). Nếu một mưu toan tội lỗi khác như mưu toan vừa thất bại ở Hà Nội mà thành công, thì đó là tin hiệu cho một cuộc nổi dậy khổng lồ và chúng ta sẽ không còn là những ông chủ nữa » (22).

Nhiều người đã tham gia vào cuộc khởi nghĩa 27-6-1908, trong đó có những người bình thường và cả những yếu nhân. Trong hoàn cảnh bí mật, người bình thường chỉ nhìn thấy những công việc cụ thể, những bộ phận; nhưng các yếu nhân sẽ cung cấp cho chúng ta những đầu mối, những tầm nhìn khái quát hơn. Song quan trọng hơn cả, theo chỗ chúng tôi nghĩ, là chúng ta phải nhìn ra được lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa. Điều này sẽ cho phép chúng ta xác định một cách thuận lợi tính chất, quy mô, ý nghĩa cũng như những ưu, khuyết điểm của cuộc khởi nghĩa.

Căn cứ vào những sự trình bày, phân tích, lý giải nói trên về cuộc khởi nghĩa 27-6-1908, chúng tôi cho rằng: *Đê Thám là người duy nhất tổ chức, chỉ đạo cuộc khởi nghĩa 27-6-1908.*

Nhân đây chúng tôi xin mạnh dạn đề xuất thêm một ý kiến nữa trong việc soạn lịch sử cận đại Việt Nam. Thiết tưởng chúng ta không nên gọi cuộc khởi nghĩa 27-6-1908 ở Hà Nội bằng cái tên là vụ « Hà Thành đầu độc » mà bọn thực dân Pháp và người đương thời đã đặt cho nó. Bởi vì người đương thời chỉ nhìn thấy bề mặt nổi của sự việc chứ không nhìn thấy tầm quan trọng và ý nghĩa sâu xa của nó. Còn bọn thực dân Pháp cố ý gọi là vụ « Hà Thành đầu độc » vì chúng không muốn cho mưu đồ này là một biến cố chính trị lớn. Đầu độc chỉ là một phương tiện chứ không phải là mục đích của mưu đồ này. Theo chúng tôi, chúng ta cũng không nên tách cuộc khởi nghĩa 27-6-1908 ở Hà Nội ra khỏi phong trào nông dân Yên Thế, mà phải coi cuộc khởi nghĩa này là một bộ phận của phong trào Yên Thế và trong toàn bộ sự nghiệp cứu nước của người lãnh tụ phong trào: Hoàng Hoa Thám.

Tháng 3-1984

**Chú thích :**

(+) Xem thêm: « Bàn về vai trò của Đê Thám trong cuộc khởi nghĩa 27-6-1908 » Tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 180, tháng 5-6 năm 1978, tr. 64-72.

(1) Cuốn « Sơ thảo lịch sử Đảng bộ huyện Trà Ôn. Tập 1: 1925-1954 » do Ban Sưu tầm lịch sử Đảng trực thuộc Huyện ủy Trà Ôn xuất bản tháng 2-1984, cung cấp cho chúng

là một tư liệu lịch sử lý thú về mối quan hệ giữa Đê Thám và các sĩ phu ở miền Nam. Tài liệu viết: « Sau khi hội Duy Tân tan rã thì ông Nguyễn Nguơn Hanh còn gọi là ông Xá Trinh, ông Bạch, ông Đặng Bình Thành liền móc nối với nghĩa quân của cụ Đê Thám để tiếp tục hoạt động. Thời kỳ này do ông Đặng Bình Thành chủ động liên hệ với nghĩa quân Đê Thám. Kết quả bất liên lạc được » (tr.15). Chúng tôi chưa có điều kiện để xác minh tư liệu này, chỉ xin công bố để bạn đọc tham khảo.

(2) Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng - Hồ sơ số 72-175. Lời khai đã được dịch ra tiếng Pháp, không có nguyên bản tiếng Việt.

(3) Những ngày, tháng trong lời khai, nếu không có chú thích, là những ngày, tháng âm lịch.

+ Có thể là Rừng Ngang thuộc huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình

(4) Nguyễn văn câu tiếng Pháp ghi như sau: « J'affirme que Đê Thám est le véritable auteur de ce mouvement révolutionnaire ».

(5) Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng - Hồ sơ số 72.175. Lời khai đã được dịch ra tiếng Pháp, không có nguyên bản tiếng Việt.

(6) Nguyên tiếng Pháp ghi là « oncle ».

(7) Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Hội đồng Nghiên cứu lịch sử Hà Bắc và đồng chí Không Đức Thiêm đã cung cấp cho chúng tôi bản hồi ký này.

(8) Sau vụ Hà Thành đầu độc, bị thực dân Pháp truy nã gắt gao Thím Hồng phải chạy ra Hương Cảng. Sau đó bà là cơ sở của cách mạng Việt Nam, làm giao thông liên lạc giữa Hương Cảng, Quảng Châu, Thượng Hải với trong nước. Trước đây, mỗi lần qua Hương Cảng các cụ Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền đều được bà lo liệu giúp đỡ.

(9) Đông Tùng Nguyễn Tư Hồng - « Bốn mươi tám năm trôi sông lạc chợ ». Tài liệu đánh máy chưa xuất bản, tr. 37 - 40.

(12) Báo L'Avenir du Tonkin số 4016, ngày 2-8-1908, tr. 1.

(11) Không có nguyên bản tiếng Việt, chúng tôi đã dịch từ tiếng Pháp ra. Theo Phan Văn Trường - « Une histoire de conspirateurs annamites à Paris » Imprimerie Đông Pháp-Gia Định 1928 tr. 41.

(12) Hồ sơ lưu trữ số 76.414. Không có nguyên bản tiếng Việt.

(13) (14) Báo L'Avenir du Tonkin, số ra ngày 4-12-1908, tr. 2.

(15) Henri Laumonier - « Les suites d'un complot ». Báo L'Avenir du Tonkin, số 4.016, ra ngày 2-8-1908.

(16) Báo L'Annam - Tonkin số ra ngày 23-7-1908.

(17) Thư gửi Hội nghị dịch vận tháng 8-1948. « Chỉ thị căn bản về công tác dịch vận ». Tập I, Phòng dịch vận. Cục Chính trị xuất bản năm 1948. Trích lại của Võ Nguyên Giáp - « Bài giảng về đường lối quân sự của Đảng » Viện Khoa học quân sự xuất bản năm 1974, tr. 297.

(18) Báo L'Avenir du Tonkin, số 4.018, ra ngày 5-8-1908.

(19) Báo L'Avenir du Tonkin, số 4.016 ra ngày 2-8-1908.

(20) Báo L'Avenir du Tonkin, số 4.018, ra ngày 5-8-1908.

(21) Documents parlementaires - Chambre. (Tài liệu Quốc hội) Annexe N° 2762, tr. 1984-1985.

(22) Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng - Hồ sơ lưu trữ số 76.414.